

CTY CP XK THỦY SẢN KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 06 / 2020/ BC-CTXKTS

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 9 tháng 4 năm 2020

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

### CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

#### I. THÔNG TIN CHUNG

##### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần xuất khẩu Thủy Sản Khánh Hòa
- Tên tiếng Anh : KHASPEXCO
- Địa chỉ : Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh trường, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4200235327 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa ngày 31 tháng 10 năm 2019 (đăng ký lần 3).
- Vốn điều lệ : 14.760.000.000 đồng (*Mười bốn tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng chẵn*).
- Số điện thoại : (0258) 3881 161 Fax: (0258) 3881 675
- Website : [www.khaspexco.vn](http://www.khaspexco.vn)
- Mã cổ phiếu : KSE
- Logo :



- Quá trình hình thành và phát triển:

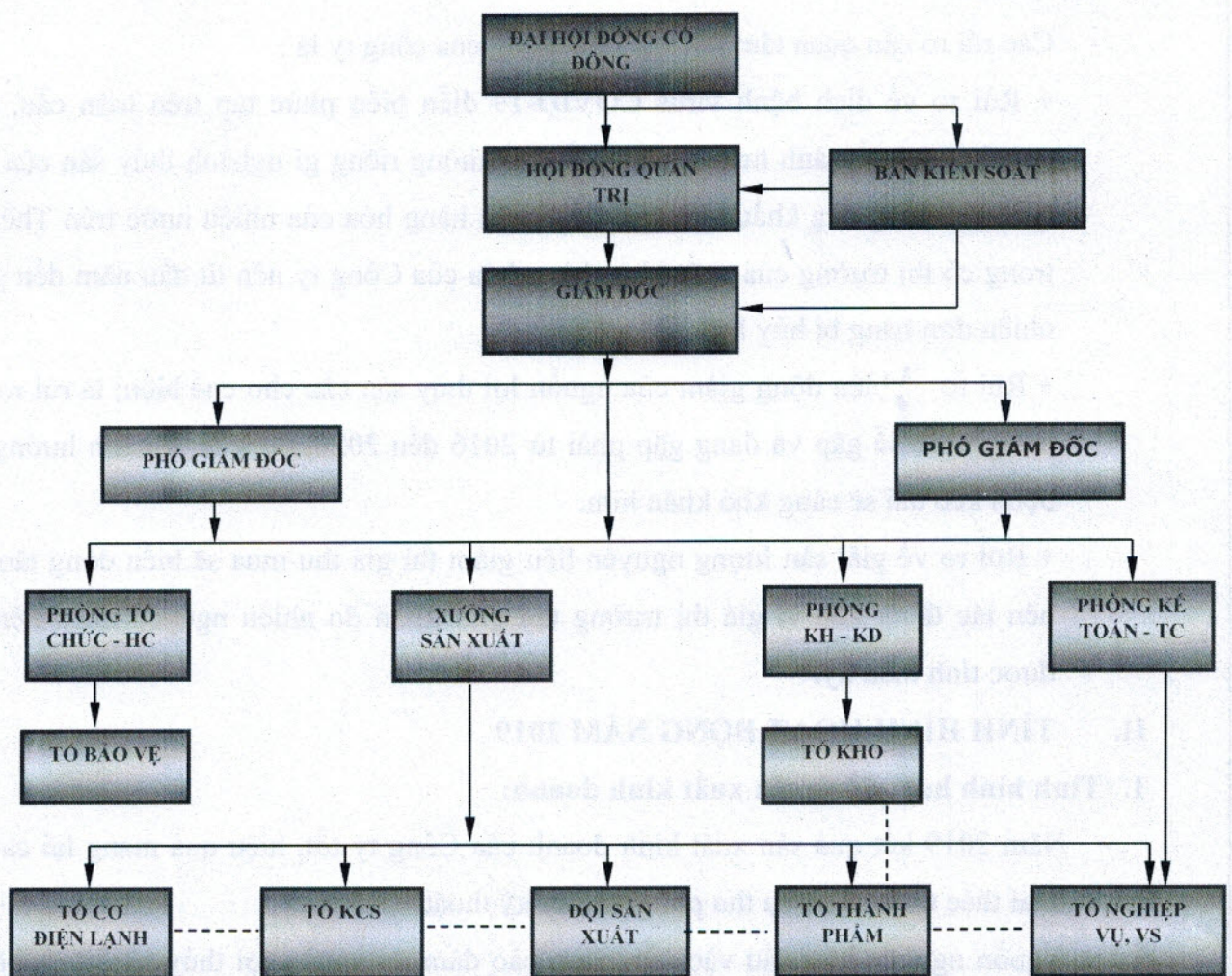
- Công ty TNHH MTV Xuất khẩu Thủy sản Khánh Hòa tiền thân là một Quốc doanh chuyên về khai thác, đánh bắt hải sản của tỉnh Phú Khánh. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, trước tiềm năng to lớn về thủy sản, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Khánh đã khôi phục lại nghề cá và thành lập “Quốc doanh đánh cá Phú Khánh” vào ngày 14/05/1977. Đây là một đơn vị kinh tế chuyên đánh bắt, khai thác thủy hải sản, trực thuộc Ty Hải sản Phú Khánh, sau này là Sở Thủy sản Khánh Hòa (hiện nay là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Khánh Hòa).
- Tháng 7/1989, tỉnh Phú Khánh được chia tách thành hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa. Xí nghiệp Quốc doanh đánh cá Phú Khánh cũng được tách làm hai: một nửa tài sản và cán bộ công nhân viên về Phú Yên, một nửa còn lại ở Khánh Hòa và được đổi tên là Xí nghiệp Khai thác và Dịch vụ Thủy sản Khánh Hòa theo Quyết định số 108-QĐ/UB ngày 01/07/1989 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa.
- Ngày 30/01/1993 Chủ tịch UBND TỈNH Khánh Hòa ra Quyết định số 153/QĐ/UB thành lập Doanh nghiệp nhà nước: Xí nghiệp Khai Thác và Dịch Vụ Thủy Sản Khánh Hòa theo Nghị Định 338/HĐBT
- Tháng 6/2010, Xí nghiệp được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Xuất khẩu Thủy sản Khánh Hòa theo Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 23/06/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.
- Ngày 28/7/2015, UBND tỉnh Khánh Hòa ra Quyết định số 2041/QĐ-UBND, phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Xuất Khẩu Thủy Sản Khánh Hòa thành Công ty cổ phần.
- Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200235327 ngày 01/12/2015 tại Phòng Đăng ký – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa. Số vốn điều lệ là 14.760.000.000 đồng. (Mười bốn tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

- Ngày 03/06/2016 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký CTĐC theo Công văn số 3044/UBCK-GSĐC.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán, chế biến các mặt hàng thủy sản đông lạnh.
- Bên cạnh đó còn có gia công hàng thủy sản; kinh doanh các dịch vụ liên quan đến ngành nghề như: dịch vụ giám sát, ủy thác xuất khẩu, ...
- Địa bàn kinh doanh: thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

## 3. Thông tin về cơ cấu bộ máy quản lý của công ty:



## 4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2020:
  - Tổng doanh thu : 60,00 tỷ đồng

- Giá trị kim ngạch xuất khẩu : 2,0 triệu USD
  - Lợi nhuận trước thuế : 1,6 tỷ đồng
  - Lợi nhuận sau thuế : 1,2 tỷ đồng
  - Cổ tức : 6-8% vốn điều lệ.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
- + Công ty cố gắng thực hiện nhiệm vụ SXKD ổn định nhằm bảo đảm duy trì và bảo toàn vốn có hiệu quả cho cổ đông, bảo đảm việc làm và đời sống của người lao động liên tục trong năm, thực hiện đầy đủ các chính sách theo quy định của pháp luật.

## 5. Các rủi ro:

- Các rủi ro cần quan tâm đối với hoạt động của công ty là :
  - + Rủi ro về dịch bệnh virus COVID-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu, tất cả ngành nghề đều ảnh hưởng nặng nề chứ không riêng gì ngành thủy sản của Công ty. Việc đóng cửa khẩu không thông quan hàng hóa của nhiều nước trên Thế Giới, trong có thị trường của xuất khẩu hàng hóa của Công ty nên từ đầu năm đến giờ có nhiều đơn hàng bị hủy hoặc thay đổi.
  - + Rủi ro về biến động giảm của nguồn lợi thủy sản cần cho chế biến: là rủi ro quan trọng nhất dễ gặp và đang gặp phải từ 2016 đến 2020, dự kiến do ảnh hưởng dịch bệnh kéo dài sẽ càng khó khăn hơn.
  - + Rủi ro về giá: sản lượng nguyên liệu giảm thì giá thu mua sẽ biến động tăng gây nên tác động xấu vì giá thị trường thế giới giảm do nhiều nguyên nhân nên phải được tính toán kỹ.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm 2019 kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty tốt, hiệu quả mang lại cao nhờ khai thác thêm dịch vụ thu phí giám sát kỹ thuật.
- Nguồn nguyên liệu đầu vào vẫn chưa bảo đảm do nguồn lợi thủy sản đánh bắt vẫn chưa phục hồi.

### 2. Tổ chức và nhân sự:

Hội đồng quản trị:

Họ tên thành viên HĐQT	Chức vụ	Xác định đến ngày 31/12/2019	
		Số lượng CP	Tỷ lệ %
Nguyễn Trọng Thắng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	109.900	9,49
	Đại diện phần vốn Nhà nước theo ủy quyền của SCIC	132.200	11,42
Nguyễn Lương Ích (đã mất)	Thành viên Hội đồng quản trị	87.100	7,52
Trần Thị Tình	Thành viên Hội đồng quản trị	134.800	11,65
Lê Xuân Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị	67.300	5,81
Nguyễn Đào	Thành viên Hội đồng quản trị	0	0

- Ban kiểm soát:

Họ tên thành viên BKS	Chức vụ	Xác định đến ngày 31/12/2019	
		Số lượng CP	Tỷ lệ %
Lê Quang Khôi	Trưởng ban kiểm soát	13.100	1,13
Phạm Thị Thương	Thành viên ban kiểm soát	4.000	0,35
Nguyễn Thị Quỳnh An	Thành viên ban kiểm soát	200	0,017

- Danh sách ban điều hành:

- **Nguyên Giám đốc:** Ông Nguyễn Trọng Thắng – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : NGUYỄN TRỌNG THẮNG Giới tính: Nam

Năm sinh : 07/10/1959 Quê quán : TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

CMND : 220004548 Ngày cấp: 03/12/2013 Tại: C.A Khánh Hòa

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú : 24 Hồng Bàng, phường Phước Tiến, Nha Trang, Khánh Hòa.

Số cổ phần nắm giữ : 109.900 cổ phần (chiếm 9,49% tổng số cổ phần)

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ : 33.700 cổ phần.

- **Giám đốc:** Bà TRẦN THỊ TÌNH - thành viên HĐQT Giới tính: Nữ

Năm sinh : 07/3/1972 Quê quán : Tỉnh Quảng Bình

CMND : 225194645 Ngày cấp: 18/02/2014 Tại: C.A Khánh Hòa

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú : 27A Đồng Đa, P. Tân Lập, Nha Trang, Khánh Hòa

Số cổ phần nắm giữ : 134.800 cổ phần (chiếm 11,65% tổng số cổ phần)

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ : *(không)*

- **Phó giám đốc:** Ông LÊ XUÂN SƠN - thành viên HĐQT Giới tính: Nam

Năm sinh : 12/02/1966 Quê quán : Hà Tĩnh

CMND : 225240233 Ngày cấp: 31/3/2016 Tại: C.A Khánh Hòa

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú : 17/1 Lương Thế Vinh, P. Phước Long, Nha Trang, Khánh Hòa

Số cổ phần nắm giữ : 67.300 cổ phần (chiếm 5,81% tổng số cổ phần)

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ : *(không)*

- **Kế toán trưởng:** Bà Nguyễn Thị Phương Thủy

Họ và tên : NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THỦY Giới tính: Nữ

Năm sinh : 13/09/1961 Quê quán : TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

CMND : 220073395 Ngày cấp: 17/01/2009 Tại: C.A Khánh Hòa

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 10 Võ Thị Sáu, Nha Trang, Khánh Hòa.

Số cổ phần nắm giữ : 9.400 cổ phần (chiếm 0,81 % tổng số cổ phần)

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ : (không)

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.
  - + Tổng số CBCN trong công ty ( có đến ngày 31/12/2019): 106 người. Trong đó, nam: 47người; nữ: 59 người.
  - + Chính sách đối với người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách BHXH, BHYT, BHTN và BHTT cho cán bộ công nhân viên.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- Hoàn thiện các hạng mục cần thiết để sử dụng có hiệu quả mặt bằng tại 50 VTS
- Tiến hành thanh lý các máy móc thiết bị ko sử dụng tại số 10 Võ Thị Sáu.

### 4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018 – 12T (1/01/2018 đến 31/12/2018)	Năm 2019 – 12T (1/01/2019 đến 31/12/2019)	SO SÁNH(năm 2019/ năm 2018)
Tổng giá trị tài sản	24.988.242.128	28.029.269.810	112,17 %
Doanh thu thuần	89.382.395.640	81.390.485.700	91,06 %
Lợi nhuận từ HĐKD	5.327.424.789	7.971.615.148	149,63 %
Lợi nhuận khác	2.851.198.946	36.900.549	1,29 %
Lợi nhuận trước thuế	8.178.623.735	8.008.515.697	97,92 %
Lợi nhuận sau thuế	6.530.859.411	6.412.258.115	98,18 %

## b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018 – 12T (1/01/2018 đến 31/12/2018)	Năm 2019 – 12T (1/01/2019 đến 31/12/2019)	GHI CHÚ
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn :			>1 : Cty có khả năng thanh toán đầy đủ các món nợ đáo hạn; Cứ 1đ nợ ngắn hạn Cty có 4,5đ tài sản lưu động có thể sử dụng để thanh toán
TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	4	4,5	
+ Hệ số thanh toán nhanh :			>1 : Cty có khả năng thanh toán nhanh các món nợ ngắn hạn; Cứ 1đ nợ ngắn hạn Cty có 3,22đ tài sản lưu động có thể sử dụng để thanh toán nhanh
<u>TS ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	3,18	3,22	
Nợ ngắn hạn			
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Tỷ số quản lý Nợ trên tài sản :			17,4% TS của Cty là đi vay
Tổng Nợ/ Tổng TS	0,17	0,174	
+ Tỷ số quản lý Nợ trên vốn chủ sở hữu :			
Tổng Nợ/ Vốn CSH	0,2	0,21	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho :			Hệ số quay vòng HTK tốt
<u>Doanh thu</u>	25,3	12,97	
Số dư HTK cuối kỳ			



+ Vòng quay tổng Tài sản :			1đ TS tham gia SXKD tạo ra 3,07đ DT, hiệu quả sử dụng tài sản của Cty tốt
Doanh Thu thuần/ Tổng TS bình quân	3,42	3,07	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Lợi nhuận biên từ HĐKD :			1đ DT mang lại 0,08đ tiền lãi cho Cty, Cty kinh doanh có lãi, lợi nhuận biên tốt
LNST / Doanh thu	0,07	0,08	
+ Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE):			1đ vốn CSH tạo ra được 0,28đ LN.(ROE >15% liên tục từ 2017 đến 2019: có xu hướng gia tăng tốt)
LNST / Vốn CSH	0,31	0,28	
+ Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA):			1đ TS tạo ra được 0,23đ LN; ROE > ROA: đòn bẩy tài chính có tác dụng tích cực. Cty thành công trong việc huy động vốn cổ đông để kiếm lợi nhuận với tỷ suất cao hơn tỷ lệ tiền lãi Cty trả cho cổ đông
LNST / Tổng TS	0,26	0,23	
+ Tỷ suất lợi nhuận thuần (ROS):			1đ DT thuần từ bán hàng và cung cấp DV mang lại 0,08đ tiền lãi cho Cty, tỷ suất này thấp -> hiệu quả hoạt động Cty không cao
LNST / Doanh thu thuần	0,07	0,08	

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

## a) Cổ phần tại thời điểm 03/4/2020:

- Tổng số cổ phần đã phát hành : 1.476.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ được mua lại : 318.500 cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 1.157.500 cổ phần
- + Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng : 211.000 cổ phần
- + Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng : 946.500 cổ phần

## b) Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách cổ đông đã được Trung Tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 03/4/2020

Cơ cấu cổ đông:

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CĐ	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Nhà nước</b>	<b>01</b>	<b>132.200</b>	<b>1.322.000.000</b>	<b>8,96%</b>
<b>2</b>	<b>Trong Công ty</b>	<b>93</b>	<b>1.087.200</b>	<b>10.872.000.000</b>	<b>73,65%</b>
2.1	+ Pháp nhân	01	318.500	3.185.000.000	21,57%
2.2	+ Thẻ nhân	92	768.700	7.668.700.000	52,08%
<b>3</b>	<b>Ngoài Công ty:</b>	<b>31</b>	<b>256.600</b>	<b>2.566.000.000</b>	<b>17,39%</b>
3.1	+ Pháp nhân	01	6.883	68.830.000	0,47%
3.2	+ Thẻ nhân	30	249.717	2.497.170.000	16,92%
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>125</b>	<b>1.476.000</b>	<b>14.760.000.000</b>	<b>100%</b>

## Cổ đông cá nhân lớn (5% cổ phần đang lưu hành trở lên)

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Trọng Thắng	109.900	1.099.000.000	9,49%
2	Nguyễn Lương Ích	87.100	871.000.000	7,52%
3	Trần Thị Tinh	134.800	1.348.000.000	11,65%
4	Võ Đình Chiến	71.400	714.000.000	6,17%
5	Nguyễn Thị Hòa	67.800	678.000.000	5,86%
6	Lê Xuân Sơn	67.300	673.000.000	5,81%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: *(Không có)*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: 40.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm 31/12/2019 : 278.500 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm 03/04/2020 : 318.500 cổ phiếu

e) Các chứng khoán khác: *(Không có)*

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty năm 2019:

a) Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm chính của công ty

- Nguyên vật liệu để sản xuất	: 935,4	tấn
- Vật tư bao bì: + Thùng carton	: 113.276	cái
+ PE các loại	: 34.232	kg
+ PA các loại	: 350.381	cái
+ PP các loại	: 26.462	cái
+ Dây niềng	: 2.008,6	kg

- Số lượng phụ phẩm thủy sản thu hồi sau chế biến bán ra thị trường: 337,1 tấn

## b) Tiêu thụ điện năng trong năm:

- Năng lượng điện sử dụng cho toàn bộ công ty : 1.910.369 kw
- Năng lượng điện sử dụng cho kho lạnh : 550.955 kw
- Năng lượng điện tiêu thụ trực tiếp phục vụ sản xuất : 850.398 kw
- Năng lượng điện tiêu thụ cho khách thuê Tài sản : 483.815 kw
- Năng lượng điện tiêu thụ cho khối quản lý : 25.200 kw
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

(Không có)

## c) Tiêu thụ nước:

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng trong năm:

- Nguồn cung cấp nước

Công ty đã sử dụng 2 nguồn nước phục vụ sản xuất: từ nguồn cung cấp của Công ty cấp thoát nước Khánh Hòa và nguồn nước dưới lòng đất tại Công ty.

- Lượng nước máy sử dụng : 7.199 m3
- Lượng nước dưới lòng đất sử dụng : 5.327 m3

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: (không có)

## d) Tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: (không có)
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

## e) Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động bình quân : 120 người
- Mức thu nhập bình quân đối với người lao động : 6.931.000 đồng/ người/ tháng.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Khám sức khỏe định kỳ
- Kiểm tra các thông số của môi trường lao động để kịp thời khắc phục nguy cơ mất an toàn lao động.
- Huấn luyện an toàn và vệ sinh lao động đúng đối tượng theo quy định của pháp luật

- Huấn luyện PCCC theo quy định
- Cung cấp BHLĐ đầy đủ theo từng công việc của người lao động
- Theo hiệu quả SXKD công ty chi thêm tiền vào các dịp lễ tết, lương tháng thứ 13.

f) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty tham gia đóng góp cho các hoạt động ở địa phương, hỗ trợ tài chính với tổng số tiền: 4.000.000 đồng.

g) Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: *(không có)*

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.390.485.700
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.390.485.700
4. Giá vốn hàng bán	66.147.078.249
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.243.407.451
6. Doanh thu hoạt động tài chính	402.698.191
7. Chi phí tài chính	252.190.261
8. Chi phí bán hàng	3.642.939.464
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.779.360.769
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.971.615.148
11. Thu nhập khác	50.805.733
12. Chi phí khác	13.905.184

13. Lợi nhuận khác	36.900.549
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.008.515.697
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.596.257.582
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.412.258.115
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.203

## 2. Tình hình tài chính:

### a) Tình hình tài sản:

(Theo số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản	Ngày 31/12/2018		Ngày 31/12/2019	
	Số tiền	%	Số tiền	%
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>16.982</b>	<b>68</b>	<b>21.947,5</b>	<b>78,3</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	7.921	31,7	11.841,5	42,2
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			1.200	4,3
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	5.458	21,9	2.321,7	8,3
IV. Hàng tồn kho	3.532	14,1	6.276,7	22,4
V. Tài sản ngắn hạn khác	71	0,3	307,6	1,1
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>8.006</b>	<b>32</b>	<b>6.081,8</b>	<b>21,7</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	18	0,1		
II. Tài sản cố định	7.760	31	6.081,5	21,7
III. Tài sản dở dang dài hạn	180	0,7		

IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn				
V. Tài sản dài hạn khác	48	0,2	0,3	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>24.988</b>	<b>100</b>	<b>28.029,3</b>	<b>100</b>

Tổng giá trị tài sản tại 31/12/2019 là 28.029,3 triệu đồng giảm so với 2018; hàng tồn kho 6.276,7 triệu đồng tăng gần gấp đôi so với thời điểm 31/12/2018

b) Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: triệu đồng

Nguồn Vốn	Ngày 31/12/2018		Ngày 31/12/2019	
	Số tiền	%	Số tiền	%
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>4.235</b>	<b>17</b>	<b>4.873,6</b>	<b>17,4</b>
I. Nợ ngắn hạn	4.235	17	4.873,6	17,4
II. Nợ dài hạn				
<b>B. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.753</b>	<b>83</b>	<b>23.155,7</b>	<b>82,6</b>
I. Vốn chủ sở hữu	20.753	83	23.155,7	82,6
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác				
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>24.988</b>	<b>100</b>	<b>28.029,3</b>	<b>100</b>

Tổng số nợ của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 4.873,6 triệu đồng là nợ ngắn hạn và chiếm đến 17,39 % trong tổng nguồn vốn của Công ty.

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: 4,5 lần; công ty có khả năng thanh toán tốt các món nợ .

Khả năng thanh toán nhanh: 3,2 lần; công ty có khả năng thanh toán nhanh do bán hàng tồn kho tốt.

Trong năm 2019 công ty thực hiện thanh toán các khoản nợ đúng hạn, khả năng thanh toán nợ ở mức cao, không có nợ xấu phải trả.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:**

- Nguyên liệu: trực tiếp thu mua của ghe đánh cá ngư dân và đầu nậu để bảo đảm chất lượng, chỉ mua nguyên liệu khi ký được hợp đồng xuất khẩu để hạn chế rủi ro hàng tồn kho không bán được, tìm hiểu thêm nguồn nguyên liệu để bổ sung, phát triển sản phẩm mới.
- Bảo đảm công việc ổn định cho số lao động hiện có để họ tiếp tục gắn bó với công ty.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

- Nắm rõ những biến động thực tế, dự báo những thay đổi kịp thời để có biện pháp thích ứng với tình hình thiếu hụt nguyên liệu, thay đổi của thị trường để hạn chế thấp nhất rủi ro, cụ thể:
  - Giữ vững thị trường, khách hàng cũ, tìm thêm thị trường mới, mặt hàng mới, khách hàng mới
  - Tìm thêm nguồn nguyên liệu cho mặt hàng truyền thống, cho mặt hàng mới
  - Tiêu thụ tốt hàng tồn kho
  - Điều chỉnh việc tổ chức sản xuất hiệu quả hơn, bảo đảm tiền lương hợp lý tạo sự ổn định trong thu nhập cho người lao động
  - Đầu tư một số hạng mục để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất cho sản xuất
  - Khắc phục khó khăn, tập thể đội ngũ quản lý và người lao động quyết tâm vượt khó, phấn đấu hoàn thành kế hoạch đề ra.
  - Mua lại cổ phiếu ưu đãi cam kết làm việc lâu dài của người lao động nghỉ việc trước thời hạn cam kết.

### **5. Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến kiểm toán: (không có)**

### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

#### **a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường**

- Tiêu thụ nước: công ty kiểm soát định mức nước sản xuất để bảo đảm tiết kiệm nhất chi phí sử dụng nước và hạn chế xả ra môi trường và xã hội.



- Tiêu thụ điện: là một chi phí được kiểm soát để sản xuất có hiệu quả.
- Phát thải: công ty thực hiện tốt quy định lưu giữ bảo quản và thuê xử lý chất thải nguy hại đúng quy định (chủ yếu là nhớt thải, bóng đèn, giẻ lau máy,...)

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề lao động:

Công ty nghiêm túc đóng BHXH, BHTN, BHYT cho người lao động theo quy định để họ luôn gắn bó, yên tâm làm việc

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Doanh Nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật tại địa phương; tham gia đầy đủ các hoạt động khi được yêu cầu; đóng góp cho các chương trình phúc lợi theo vận động của địa phương, các đoàn thể.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty**

- Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty
- HĐQT đã phối hợp tốt với ban điều hành vượt khó khăn trong năm 2019, vẫn bảo đảm công việc và thu nhập cho người lao động

##### **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành**

- Ban điều hành làm đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, xin ý kiến chỉ đạo kịp thời và hoàn thành mục tiêu HĐQT đề ra
- Khi chuyển đổi sang công ty cổ phần, Ban điều hành đã tích cực nắm bắt các quy định để điều hành, xử lý kịp những phát sinh, đáp ứng các yêu cầu trong SXKD, ổn định được việc làm, thu nhập và có hiệu quả.
- Ban điều hành đã linh hoạt huy động tài sản bảo đảm từ bên ngoài thế chấp ngân hàng để vay vốn lưu động, đáp ứng được nhu cầu tăng lên trong mùa vụ sản xuất chính.

##### **3. Các kế hoạch định hướng của HĐQT**

- Tích cực ổn định thị trường tiêu thụ, giữ vững sản xuất, tìm nguồn nguyên liệu mới, mặt hàng mới, khách hàng mới.
- Tìm thị trường để có thêm mặt hàng mới, tích lũy được nguồn lực để có vốn SXKD mà không phải huy động thêm tài sản bảo đảm từ bên ngoài.

- Đề xuất đại hội đồng cổ đông mua lại cổ phần ưu đãi của người lao động cam kết làm việc theo quy định của Nghị định 59/2011 ở mức lớn hơn 10% Vốn điều lệ đối tổng số cổ phần phát hành.

## V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến của kiểm toán:

*(Được trích từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ Phần Xuất Khẩu Thủy Sản Khánh Hòa)*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất khẩu Thủy sản Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

*(Có báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo Báo cáo này và đăng tại website: [www.khaspexco.vn](http://www.khaspexco.vn))*

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA  
T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Thị Tĩnh**